

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠNH TRỊ
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 09-4-2024
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nghiệp.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Văn Tân.

Ông Nguyễn Thanh Hải.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lâm Huệ Chi, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Minh Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Lê Thị N, sinh năm 1989 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

ĐKTT: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- **Bị đơn:** Ông Lý T, sinh năm 1987 (bị tuyên bố mất tích).

Địa chỉ nơi cư trú cuối cùng trước khi bị tuyên bố mất tích: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- **Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/11/2023, nguyên đơn bà Lê Thị N trình bày:**

Bà và ông Lý T có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 27/4/2015 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Tuy nhiên, thời gian sau này bắt đầu phát sinh cãi vã. Đỉnh điểm năm 2018 khi có mâu thuẫn giữa vợ chồng thì ông T bỏ nhà đi đến nay, không có tin tức gì, mặc dù bà tìm nhiều biện pháp để tìm kiếm. Sau đó bà có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị tuyên bố ông T mất tích. Sau khi làm các thủ tục đăng thông tin tìm kiếm trên báo, đài trung ương thì ông T vẫn không liên hệ. Tòa án

nhân dân huyện Thanh Trì đã ban hành Quyết định số 10/2023/QĐST-DS ngày 24/10/2023 chấp nhận yêu cầu của bà và tuyên bố mất tích đối với ông T. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn đối với ông Lý T. Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên Lý Thế N1, sinh ngày 11/11/2011 hiện đang sống cùng bà và Lý Thế Đ, sinh ngày 09/6/2015 hiện đang sống cùng ông T. Khi ly hôn bà yêu cầu Tòa án giải quyết giao cho bà được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lý Thế N1, bà đồng ý giao con chung tên Lý Thế Đ cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà và ông T không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Lý T bị tuyên bố mất tích, vắng mặt và không có lời trình bày.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm:

Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định chính xác quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho bà N được ly hôn với ông T; Về con chung, giao bà N được quyền nuôi dưỡng con chung tên Lý Thế N1, sinh ngày 11/11/2011 và giao ông T được quyền nuôi dưỡng con chung tên Lý Thế Đ, sinh ngày 09/6/2015 đến khi các con đủ 18 tuổi, cấp dưỡng nuôi con đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Tài sản chung và nợ chung không giải quyết do đương sự không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Lê Thị N và ông Lý T đăng ký kết hôn ngày 27/4/2015 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Ông T có nơi cư trú cuối cùng trước khi bị tuyên bố mất tích là tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Nay bà N có đơn yêu cầu ly hôn, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, tỉnh Sóc Trăng. Nguyên đơn bà N có đơn yêu cầu được giải quyết vắng mặt, bị đơn ông T bị tuyên bố mất tích, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với bà N và ông T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 47/2015 ngày 27/4/2015 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng thể hiện, bà N và ông T có đăng ký kết hôn, đương sự trình bày kết hôn trên cơ sở tự nguyện, do vậy hôn nhân này là hợp pháp. Qua lời trình bày của nguyên đơn trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, cãi vã và đình đốn năm 2018 sau khi mâu thuẫn ông T bỏ nhà đi, từ đó gia đình mất liên lạc với ông T, bà N đã dùng nhiều biện pháp tìm kiếm nhưng không có kết quả. Do ông T bỏ đi đã lâu, không

có tin tức, bà N có đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố ông T mất tích để xin ly hôn. Sau khi thụ lý đơn yêu cầu tuyên bố mất tích của bà N đối với ông T. Tòa án đã thông báo tìm kiếm ông T trên các phương tiện thông tin đại chúng nhưng vẫn không có tin tức. Ngày 24/10/2023 Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị đã ban hành Quyết định số 10/2023/QĐST-DS tuyên bố ông Lý T mất tích.

Bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Như vậy, tính đến thời điểm hiện tại tình cảm vợ chồng giữa bà N và ông T không còn, hai người không còn sống chung với nhau nhiều năm, không còn liên lạc, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, ông T bỏ bà N ra đi mà không cùng với bà N lo vun vén để tạo dựng hạnh phúc gia đình. Từ ngày ông T bỏ đi đến nay bà N đã có nhiều cố gắng nuôi dạy con chung và tìm kiếm ông T. Đồng thời Tòa án cũng đã có thông báo tìm kiếm nhưng không mang lại kết quả, vì vậy cho dù bà N có muốn hàn gắn lại hạnh phúc gia đình cũng không thể đạt được, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng dẫn đến cuộc sống hôn nhân không thể tồn tại và kéo dài, nên bà N yêu cầu được ly hôn với ông T là có cơ sở, phù hợp quy định pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận, giải quyết cho bà N được ly hôn với ông T.

[3] Về con chung: Theo lời nguyên đơn bà N trình bày và căn cứ theo giấy khai sinh số 127/2015 ngày 27/4/2015 và số 158/2015 ngày 15/6/2015, trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng ông T, bà N có với nhau hai người con chung tên Lý Thế N1, sinh ngày 11/11/2011 và Lý Thế Đ, sinh ngày 09/6/2015, hiện cháu N1 đang sống cùng bà N và cháu Đ đang sống cùng ông T. Bà N yêu cầu được nuôi dưỡng cháu N1 và đồng ý giao cháu Đ cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, cháu N1 đang sống với bà N và cháu Đ đang sống cùng ông T đều ổn định về chỗ ở, nên cần thiết tiếp tục giao cháu N1 cho bà N và giao cháu Đ cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con thành niên là đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và phù hợp nguyện vọng của con chung. Người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung được quyền được thăm nom con chung mà mình không trực tiếp nuôi, không ai được ngăn cản. Về cấp dưỡng nuôi con không xem xét, giải quyết do đương sự không có yêu cầu.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự trình bày không có và không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Bà N phải chịu án phí ly hôn số tiền 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp, bà N đã nộp xong án phí.

[6] Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm

2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Lê Thị N được ly hôn với ông Lý T.

2. Về con chung: Giao bà Lê Thị N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lý Thế N1, sinh ngày 11/11/2011 và giao ông Lý T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lý Thế Đ, sinh ngày 09/6/2015 đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi). Bà Lê Thị N và ông Lý T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà mình không trực tiếp nuôi, không ai được ngăn cản. Về cấp dưỡng nuôi con, đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết do đương sự không có yêu cầu.

4. Án phí sơ thẩm: Buộc bà Lê Thị N nộp án phí số tiền 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0000477 ngày 15/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng, bà N đã nộp xong án phí.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân nơi đương sự cư trú để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- UBND xã T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thành Nghiệp